

Số: 31/QĐ-PDL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐĂNG LƯU

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-Cp ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2024 của trường THPT Phan Đăng Lưu, gồm các biểu 09a-CK/TSC, 09b-CK/TSC, 09c-CK/TSC, 09d-CK/TSC, 09đ-CK/TSC, 10a-CK/TSC, 10b-CK/TSC, 10c-CK/TSC, mẫu số 04a-ĐK/TSC, mẫu số 01a-BC/TSCĐ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và các phòng ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Niêm yết, đăng Website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thơm

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu

Mã đơn vị: 1060563

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						32.200						
4	Tài sản cố định khác						32.200						
	Bộ máy vi tính (P KT)		1	Máy bộ vi tính (Mạch chính vi tính Gigabyte GAH610 MH V			15.400						
	Bộ máy vi tính (P Văn thư)		1				16.800						
II	Tài sản giao mới						648.000						
4	Tài sản cố định khác						648.000						
	Hệ thống âm thanh		1				198.000						
	Màn hình Led di động(TTGD) Bộ		1				450.000						
	Tổng cộng						680.200						

2

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Dung

Ngày 04 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Thom

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu
Mã đơn vị: 1060563
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất trường tại 27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM	5.288,10	126.914.400		5.288,10																	
2	Khối nhà B (40.4x18.3) : 739.32m2 tại 27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM									1994	739,00	1.893.600			739,00							
3	Khối nhà C tại 27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM									2005	1,00	4.560.000			1,00							
4	Khối nhà D1 (5x10) : 50m2 tại 27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM									1992	50,00	39.600			50,00							



STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Ngìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Ngìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
5	Khởi nhà D7 (3x1.5) : 4.5 m2 tại 27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM									1992	4,50	23.650			4,50							
6	Nâng cấp khối nhà B tại 27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM									2005	73,32	855.000			73,32							
7	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo trường Phan Đăng Lưu tại 27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM									2015	1,00	23.148.835	9.252.590		1,00							
	Tổng cộng:	5.288,10	126.914.400		5.288,10						868,82	30.520.685	9.252.590		868,82							

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Dũng

Ngày 04 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Thơm

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu

Mã đơn vị: 1060563

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2024

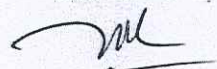
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		41	2.239.772	1.559.572	680.200	664.848							
1	Bộ máy vi tính (P KT)	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	15.400		15.400	12.320		x					
2	Sân chơi khu B, C	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	114.000	114.000									
3	Mô hình súng AK 47 cắt bỏ hoặc luyện tập(bảng gỗ, cái hoàng từ súng cấp 5), lựu đạn gang tập	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	30.355	30.355									
4	Máy Photocopy 2017	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	84.800	84.800									
5	Máy lạnh Reetech 1.5HP	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	249.000	249.000									
6	máy lạnh phòng tài vụ	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	6.700	6.700									x
7	Máy lạnh phòng phó hiệu trưởng	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	8.300	8.300									x
8	Máy lạnh phòng nghỉ giáo viên	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	11.330	11.330									
9	Máy lạnh phòng giáo viên	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	44.963	44.963									
10	Máy lạnh	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	152.303	152.303									
11	Máy chiếu 3M-X62, Máy chiếu điện 84', gia treo, cáp VGA, linh kiện, lắp đặt	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	36.905	36.905									



STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
12	Máy chiếu 2017	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	35.400	35.400									
13	Máy bắn tập MBT-03 model SH2/GDQP/CD: 2 bộ tập, đã có 2 khẩu súng TL AK tập, đồng bộ máy tính chuyên dùng	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	48.300	48.300									
14	Màn hình Led di động(TTGD)	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	450.000		450.000	393.750							
15	Loa kéo gỗ 8888 và amply PA 3600	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	19.000	19.000									
16	Khu tượng đài	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	65.000	65.000									
17	Khối nhà bảo vệ, giám thị	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	46.544	46.544									
18	Hệ thống rửa tay cho học sinh	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	20.020	20.020									
19	Hệ thống âm thanh	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	198.000		198.000	158.400							
20	Hành lang nối khu B và C	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	114.000	114.000									
21	Dù che khung sắt vải bạt	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	13.200	13.200									
22	Cổng phụ 2, hàng rào	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	86.438	86.438									
23	Cổng phụ 1	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	57.000	57.000									
24	Bộ máy vi tính (P Văn thư)	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	16.800		16.800	13.440							
25	Sân khấu lắp ghép ngoài trời	Trường THPT Phan Đăng Lưu	1	98.670	98.670									
26	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	Trường THPT Phan Đăng Lưu	16	217.344	217.344		86.938		x					

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Nguyễn Xuân Dung

Ngày 04 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Thơm

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu
Mã đơn vị: 1060563
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

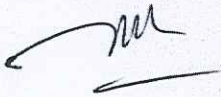
Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	15.000														
1	Máy lạnh phòng phó hiệu trưởng	8.300								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	máy lạnh phòng tài vụ	6.700								x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Nguyễn Xuân Dung

Ngày 04 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)





Trần Thị Thơm

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu

Mã đơn vị: 1060563

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09đ-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày ...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày ...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Dung

Ngày 4 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Trần Thị Thơm

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu
Mã đơn vị: 1060563
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẮM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường THPT Phan Đăng Lưu - Mã QHNS: 1060563	2		32.200	2		648.000			
	1 - Đất khuôn viên									
	2 - Nhà									
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	2		32.200	2		648.000			
	Tổng cộng	2		32.200	2		648.000			

Người lập báo cáo
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Xuân Dung

....., ngày 4 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)




Trần Thị Thơm

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu
Mã đơn vị: 1060563
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường THPT Phan Đăng Lưu - Mã QHNS: 1060563	48	6.156,92							
	1 - Đất khuôn viên	1	5.288,10		5.288,10					
	2 - Nhà	6	868,82		868,82					
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	41		2,00	39,00					
	Tổng cộng	48	6.156,92							

....., ngày 4 tháng 4 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)
TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
PHAN ĐĂNG LƯU
Trần Thị Thơm

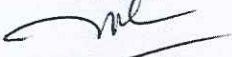
Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu
Mã đơn vị: 1060563
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

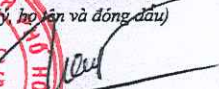
Mẫu số 10c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2024

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Biên chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Chuyển giao về địa phương				Xử lý khác				Ghi chú
		SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	SL	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35
1	Trường THPT Phan Đăng Lưu - Mã OHNS: 1060563																													2		15.000		
	1 - Đất khuôn viên																																	
	2 - Nhà																																	
	3 - Xe ô tô																																	
	4 - Tài sản cố định khác																													2		15.000		
	Tổng cộng																													2		15.000		

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Dung

Ngày 04 tháng 04 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Trần Thị Thơm


Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu
Mã đơn vị: 1060563
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền thu được là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	KINH DOANH				CHO THUÊ				LIÊN DOANH, LIÊN KẾT			
		Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm	Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm	Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	- Mã QHNS:												
	Tổng cộng												

....., ngày 4 tháng 4 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)
Trần Thị Thơm



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Phan Đăng Lưu

Mã đơn vị: 1060563

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04a-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CC837595, số vào sổ cấp GCN: CT 70240 ngày 19/01/2018

II – Về nhà: trụ sở địa chỉ số Nguyễn Văn Đậu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà đất:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CC837595, số vào sổ cấp GCN CT 70240 ngày 19/01/2018

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Bình Thạnh, ngày 04 tháng 04 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Thơm

- Báo cáo kê khai lần đầu: ☒ X

- Báo cáo kê khai bổ sung:

QLTS.VT

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị kiểm kê: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 01a-BC/TSCĐ

Tên đơn vị kiểm kê: Trường THPT Phan Đăng Lưu

Mã đơn vị kiểm kê: 1060563

Loại hình đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

(Áp dụng cho đối tượng thực hiện kiểm kê)

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng			Chỉ tiêu về hiện vật			Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	011			16			9.046,70		158.049.957.459	136.166.989.534	16		16	
1.1	Đất	01101		Khuôn viên	1			5.288,10		126.914.400.000	126.914.400.000	1		1	
1.1.1	Đất trụ sở làm việc	0110101		Khuôn viên			m2								
1.1.2	Đất công trình sự nghiệp	0110102		Khuôn viên	1		m2	5.288,10		126.914.400.000	126.914.400.000	1		1	
	27 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Bình Thạnh, TP.HCM	0110102-0001	1979	Khuôn viên	1		m2	5.288,10		126.914.400.000	126.914.400.000	1		1	
1.2	Nhà	01102			6			3.758,60		30.520.685.459	9.252.589.534	6		6	
1.2.1	Biệt thự, công trình đặc biệt	0110201		Cái			m2								
1.2.2	Nhà cấp I	0110202		Cái			m2								
1.2.3	Nhà cấp II	0110203		Cái			m2								
1.2.4	Nhà cấp III	0110204		Cái			m2								
1.2.5	Nhà cấp IV	0110205		Cái	6		m2	3.758,60		30.520.685.459	9.252.589.534	6		6	
	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo trường Phan Đăng Lưu	0110205-0001	2015	Cái	1		m2	4,00		23.148.835.459	9.252.589.534	1		1	
	Khối nhà D1 (5x10) : 50m2	0110205-0002	1992	Cái	1		m2	50,00		39.600.000		1		1	

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng			Chỉ tiêu về hiện vật			Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Khối nhà D7 (3x1.5) : 4.5 m2	0110205-0003	1992	Cái	1		m2	5,00		23.650.000		1		1	
	Khối nhà B (40.4x18.3) : 739.32m2	0110205-0004	1994	Cái	1		m2	2.217,96		1.893.600.000		1		1	
	Khối nhà C	0110205-0005	2005	Cái	1		m2	3,00		4.560.000.000		1		1	
	Nâng cấp khối nhà B	0110205-0006	2005	Cái	1		m2	1.478,64		855.000.000		1		1	
1.3	Vật kiến trúc	01103			9					614.872.000		9		9	
1.3.1	Kho chứa, bể chứa, bãi đỗ, sân phơi, sân chơi, sân thể thao, bể bơi	0110301		Cái											
1.3.2	Giếng khoan, giếng đào, tường rào	0110302		Cái											
1.3.3	Vật kiến trúc khác	0110303		Cái	9					614.872.000		9		9	
	Khu tượng đài	0110303-0001	2001	Cái	1					65.000.000		1		1	
	Cổng phụ 1	0110303-0002	2005	Cái	1					57.000.000		1		1	
	Cổng phụ 2, hàng rào	0110303-0003	2005	Cái	1					86.438.000		1		1	
	Hành lang nối khu B và C	0110303-0004	2005	Cái	1					114.000.000		1		1	
	Khối nhà bảo vệ, giám thị	0110303-0005	2005	Cái	1					46.544.000		1		1	
	Sân chơi khu B, C	0110303-0006	2005	Cái	1					114.000.000		1		1	
	Hệ thống rửa tay cho học sinh	0110303-0007	2018	Cái	1					20.020.000		1		1	
	Dù che khung sắt vôi bột	0110303-0008	2018	Cái	1					13.200.000		1		1	
	Sân khấu lắp ghép ngoài trời	0110303-0009	2018	Cái	1					98.670.000		1		1	
1.4	Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực	01104		Công trình											
1.5	Công trình xây dựng khác	01105		Công trình											

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng			Chỉ tiêu về hiện vật			Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
2	Xe ô tô	012													
2.1	Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh	01201													
2.1.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	0120101		Cái											
2.1.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	0120102		Cái											
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	01202													
2.2.1	Xe ô tô 4-5 chỗ ngồi	0120201		Cái											
2.2.2	Xe ô tô 6-8 chỗ ngồi	0120202		Cái											
2.2.3	Xe ô tô 9-12 chỗ ngồi	0120203		Cái											
2.2.4	Xe ô tô 13-16 chỗ ngồi	0120204		Cái											
2.2.5	Xe ô tô bán tải	0120205		Cái											
2.3	Xe ô tô chuyên dùng	01203													
2.3.1	Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế	0120301		Cái											
2.3.2	Xe ô tô có kết cấu đặc biệt	0120302		Cái											
2.3.3	Xe ô tô có gắn thiết bị chuyên dùng hoặc gắn biển hiệu nhận biết	0120303		Cái											
2.3.4	Xe ô tô tải	0120304		Cái											
2.3.5	Xe ô tô ô tô trên 16 chỗ ngồi	0120305		Cái											
2.4	Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước	01204		Cái											
3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	013													
3.1	Phương tiện vận tải đường bộ	01301		Cái											
3.2	Phương tiện vận tải đường sắt	01302		Cái											

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng			Chỉ tiêu về hiện vật			Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
3.3	Phương tiện vận tải đường thủy	01303		Cái											
3.4	Phương tiện vận tải hàng không	01304		Cái											
3.5	Phương tiện vận tải khác	01305		Cái											
4	Máy móc, thiết bị	014			29					1.159.899.500	271.097.600	29		29	
4.1	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	01401		Cái	7					574.595.500	25.760.000	7		7	
	Bộ máy vi tính (P KT)	01401-0001	2024	Cái	1					15.400.000	12.320.000	1		1	
	Bộ máy vi tính (P Văn thư)	01401-0002	2024	Cái	1					16.800.000	13.440.000	1		1	
	Máy Photocopy 2017	01401-0003	2018	Cái	1					84.800.000		1		1	
	Máy lạnh phòng giáo viên	01401-0004	2017	Cái	1					44.962.500		1		1	
	Máy lạnh	01401-0005	2019	Cái	1					152.303.000		1		1	
	Máy lạnh Reetech 1.5HP	01401-0006	2017	Cái	1					249.000.000		1		1	
	Máy lạnh phòng nghỉ giáo viên	01401-0007	2017	Cái	1					11.330.000		1		1	
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	01402		Cái	20					506.649.000	245.337.600	20		20	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0001	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0002	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0003	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0004	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0005	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0006	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	



STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng			Chỉ tiêu về hiện vật			Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hồng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0007	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0008	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0009	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0010	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0011	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0012	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0013	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0014	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0015	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Tivi màn hình led 65 inch - LE65AQT6600UG	01402-0016	2022	Cái	1					13.584.000	5.433.600	1		1	
	Hệ thống âm thanh	01402-0017	2024	Cái	1					198.000.000	158.400.000	1		1	
	Máy chiếu 3M-X62, Máy chiếu điện 84', gia treo, cáp VGA, linh kiện, lắp đặt	01402-0018	2009	Cái	1					36.905.000		1		1	
	Máy chiếu 2017	01402-0019	2017	Cái	1					35.400.000		1		1	
	Loa kéo gỗ 8888 và amply PA 3600	01402-0020	2019	Cái	1					19.000.000		1		1	
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	01403		Cái	2					78.655.000		2		2	

STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng			Chỉ tiêu về hiện vật			Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Máy bắn tập MBT-03 model SH2/GDQP/CD: 2 bộ tập, đã có 2 khẩu súng TL AK tập, đồng bộ máy tính chuyên dùng	01403-0001	2017	Cái	1					48.300.000		1		1	
	Mô hình súng AK 47 cắt bỏ hoặc luyện tập(bằng gỗ, cái hoàng từ súng cấp 5). lựu đạn gang tập	01403-0002	2017	Cái	1					30.355.000		1		1	
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	015													
5.1	Các loại súc vật	01501		Con											
5.2	Cây lâu năm, vườn cây lâu năm, vườn cây công nghiệp, vườn cây ăn quả	01502		Cây/Vườn											
5.3	Thâm cỏ, cây cảnh, vườn cây cảnh	01503		Cây/Vườn /Thâm											
6	Tài sản cố định đặc thù	016		Cái											
7	Tài sản cố định hữu hình khác	017		Cái	1					450.000.000	393.750.000	1		1	
	Màn hình Led di động(TTGD)	017-0001	2024	Cái	1					450.000.000	393.750.000	1		1	
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	018													
8.1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả	01801		Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ											



STT	Danh mục tài sản	Mã số tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Chỉ tiêu về số lượng			Chỉ tiêu về hiện vật			Chỉ tiêu về giá trị		Tình hình hạch toán		Tình trạng của tài sản	
				Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Đơn vị tính	Theo thực tế kiểm kê	Chênh lệch	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)	Đã ghi sổ kế toán	Chưa ghi sổ kế toán	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
8.2	Quyền sở hữu công nghiệp	01802		Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ											
8.3	Quyền đối với giống cây trồng	01803		Giấy chứng nhận/ Bằng bảo hộ											
8.4	Phần mềm ứng dụng	01804		Phần mềm											
8.5	Tài sản cố định vô hình khác	01805		Cái											

....., ngày 04 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị kiểm kê

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Thị Thơm